

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2022/HSST
Ngày: 25/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Hạnh
2. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Quang B – sinh năm 1985; Tên gọi khác: B gái; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Đắk Lắk; HKTT: BN, xã EN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú và chỗ ở: thôn TV, xã XSN, huyện DX, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 7/12; con ông: Trịnh Quang V, sinh năm 1966 và bà: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1966; Em ruột: 03 người; Vợ: Nguyễn Thị Phi Ly N, sinh năm 1985; Con ruột: 02 người, lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Nhật H – sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: thị xã S, Phú Yên; Nơi cư trú: khu phố LHB, phường XY, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà: Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1966; Chị ruột: 01 người sinh năm 1989; Vợ, con: không. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Nguyễn R – sinh năm 1999; Trú tại: thôn Hảo Danh, xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn R: Ông Ngô Tấn H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 68 Lê Duẩn, phường 7, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đồng thời gửi luận cứ bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thành P – sinh năm 1999; tên gọi khác: “Chuột”; trú tại: khu phố MT, phường XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Đỗ Quá Cẩn T – sinh năm 2006; tên gọi khác: “Nhàn”;

Đại diện theo pháp luật của T1: Nguyễn Thị P – sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Vùng 4, thôn LU, xã XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên. T1 có mặt; bà P vắng mặt không có lý do.

3. Lê Quốc T - sinh năm 1974; trú tại: khu phố LB, phường XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt không có lý do.

* *Người làm chứng:*

1. Phan Hoàng V – sinh năm 1996; tên gọi khác: “Xi”; Trú tại: khu phố DP, phường XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Lê K – sinh năm 1996; tên gọi khác: “Ken”; Trú tại: khu phố LBĐ, phường XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T – sinh năm 1974; Trú tại: khu phố LB, phường XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

4. Lê Thị Ánh V – sinh năm 2004; Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật của Việt: Lê Quốc T1 - sinh năm 1974;

Cùng trú tại: khu phố LB, phường XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Quang B và Nguyễn R (là người khuyết tật nặng theo Quyết định 4070/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Sông Cầu) không có quen biết nhau, nhưng B cho rằng R sử dụng tên tuổi của B cho vay tiền người khác để thu lời, nên từ ngày 29/01/2021 đến ngày 31/01/2021 B nhiều lần gọi điện thoại cho R yêu cầu phải chia phần trăm trên số tiền R đã cho vay thu lời được theo tỉ lệ B hưởng 30%, còn R hưởng 70%. Nhưng R khẳng định chỉ cho người khác mượn tiền khoảng 05 đến 06 triệu đồng chứ không có mượn danh của B cho vay thu lời

số tiền 10.000.000 đồng như lời B nói. Vì B liên tục gọi điện đòi gấp và yêu cầu đưa tiền nên R có gọi điện thoại lại cho B và chửi bới làm B bức tức.

Vì vậy khoảng 17 giờ 00 ngày 01/02/2021, biết R sẽ đến làm thuê cho quán nhậu “T1” ở khu phố Long Bình, phường Xuân Phú nên B, Nguyễn Nhật H và Nguyễn Thành P đến quán ngồi nhậu cùng với anh T1 (chủ quán) mục đích chờ R. Lúc này B nghe R điện thoại nhờ anh T1 đến Công an phường Xuân Phú chờ R về, nên B sai P và T1 (người làm thuê cho quán) lấy xe mô tô của P đến chờ R. Thấy R đến thì B yêu cầu R vào ngồi chung bàn nhậu với B, lúc này vừa nói chuyện B vừa dùng mặt ngoài tay phải tát một cái vào mặt R. Thấy bàn nhậu đông người không tiện nói, B yêu cầu R đến một bàn khác cách đó khoảng 10 mét (bàn gần tủ đông lạnh của quán) để nói chuyện. Tại đây B tiếp tục chửi R và dùng tay trái tát cái thứ hai vào mặt R. Sau đó, B kêu H đi vào trong quán anh T1 lấy ra một con dao loại dao Thái Lan, cán màu vàng đem ra đưa B rồi H quay lại bàn nhậu. B cầm con dao chỉ vào mặt R và nói “mày nói gấp tao ở đâu mày đâm ở đó, dao đó mày đâm đi” thì R không nói gì. B nói tiếp “mày không đâm thì tao đâm mày hai cái, mày thấy được không”. Lo sợ vì B đe dọa nên R nói xin lỗi B và R đề nghị được trả tiền nhậu cho B, nhưng B không đồng ý mà nói “bữa trước tao nói mày đòi tiền được thì mày chia tao ba bảy, nay tao ghét tao lấy mày bảy ba”, tương ứng với số tiền 10.000.000 đồng mà B tự cộng dồn và B muốn R phải đưa cho B số tiền 7.000.000 đồng thì R nói “em không có tiền”, B tiếp tục nói “cho mày năm phút suy nghĩ” rồi đứng lên đi về bàn nhậu, trước khi đi B tiếp tục sử dụng tay trái tát vào mặt R cái thứ ba, làm R chảy máu mũi. Thấy R chảy máu nên B kêu H cầm khăn lạnh qua đưa cho R lau máu rồi quay lại bàn nhậu, còn R ngồi một mình. Khoảng 05 phút sau, B tiếp tục hỏi R “năm phút rồi giờ sao R”, sợ bị B tiếp tục đánh nên R nói “dạ để em đưa” nên B nói H qua bàn gấp R để lấy tiền. R đưa cho H số tiền 2.500.000 đồng thì H cầm tiền quay lại bàn nhậu đưa cho B, số tiền còn lại thì B yêu cầu R đến ngày 28 âm lịch (tức ngày 09/02/2021) gọi cho B để nói chuyện nhưng R không nói gì và nhờ T1 chở R về.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 2.500.000 đồng, B đưa cho H và nói H đến tiệm Năm Lộc thuộc khu phố Long Hải Nam, phường Xuân Phú mua 01 chiếc xe đạp hết số tiền 1.500.000 đồng rồi chở theo xe đạp về lại quán anh T1, số tiền 1.000.000 đồng còn lại H đưa cho B. Cầm số tiền này, B đưa H 150.000 đồng nói H đưa cho P và T1, nghe vậy nên H đưa cho P 100.000 đồng, cho T1 50.000 đồng, còn lại B giữ tiêu xài cá nhân. Sau đó tất cả đi về, riêng H chở B về nhà tại Đồng Xuân và ở lại tại đây, đến sáng hôm sau thì B cho H 200.000 đồng.

Sau khi xảy ra sự việc trên thì R đến cơ quan Công an phường Xuân Phú. trình báo sự việc. Ngày 18/03/2021, Nguyễn R có đơn từ chối giám định thương tích.

Quá trình điều tra bị can Trịnh Quang B đã nộp lại số tiền 2.500.000 đồng, H nộp lại 200.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị can B, H phạm tội đối với người khuyết tật nặng.

Vật chứng vụ án: Có bản kê kèm theo (bút lục 309).

Về phần dân sự: Người bị hại Nguyễn R đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt là 2.500.000 đồng và không có yêu cầu Trịnh Quang B bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 47/CT - VKSSC ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 47/CT - VKSSC ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H phạm tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS cho cả 02 bị cáo, riêng bị cáo Nguyễn Nhật H áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Trịnh Quang B từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/6/2021, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án gồm: Đề nghị HĐXX tuyên: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe đạp của trẻ em, màu sơn đỏ có hiệu “GH BIKE” và số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao, loại dao thái lan cán nhựa màu vàng, dài 20cm. Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD lưu trữ đoạn video được trích xuất từ camera quán nhậu T1. Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu và Chi cục Thi hành án thị xã Sông Cầu.

Về phần dân sự: Bị hại và bị cáo B đã tự nguyện bồi thường xong, không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Quang B khai: Do biết bị hại R là người khuyết tật có cho người khác vay tiền thu tiền lãi đồng thời bị cáo nghe người khác nói R lấy danh nghĩa của bị cáo làm uy, vì vậy bị cáo tìm hỏi thì R không thừa nhận. Nên bị cáo đe dọa buộc R phải chi cho bị cáo 30% đối với số tiền mà bị cáo cho là R đã thu lãi được 10.000.000đ. Do R không đồng ý đồng thời biết R báo cáo Công an phường nên ngày 01/02/2021 bị cáo cùng bị cáo H đến quán nhậu T1 là nơi bị hại R làm thuê, bị cáo dùng tay đánh vào mặt, miệng R làm chảy máu; đồng thời bảo bị cáo H vào bếp quán lấy con dao thái lan đưa cho bị cáo đòi đâm R và buộc đưa 70% tức 7.000.000đ chứ không chịu 30% tức 3.000.000đ. Bị cáo B bị cáo H trực tiếp lấy tiền từ bị hại R, do không đủ tiền nên bị hại đưa cho H 2.500.000đ để H đưa cho bị cáo. Sau khi H lấy tiền bị cáo B H đến tiệm xe đạp mua một chiếc xe đạp giá 1.500.000đ để bị cáo đem về nhà cho con bị cáo, số tiền còn lại bị cáo B H

đưa cho P và T1 150.000đ; cho H 200.000đ. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố tội cướp tài sản là đúng, không oan gì cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Nhật H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã nêu. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” của bị hại Nguyễn R là đúng tội, không oan gì cho bị cáo. Nhưng bị cáo chỉ giúp sức cho bị cáo B nên xin Hội đồng giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn R khai: Giữa các bị cáo và bị hại không quen biết nhau, việc bị hại cho người khác vay tiền cũng không lấy danh nghĩa của bị cáo B nhưng bị cáo B vô cớ gọi điện thoại và tìm đến nhà của bị hại để buộc bị hại phải trả cho bị cáo B 30% số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo tự đưa ra nhưng bị hại không đồng ý nên bị cáo B nhiều lần cho đàn em đến tìm bị hại để hăm dọa bị hại phải đưa tiền cho bị cáo B. Ngày 01/02/2021, bị cáo B dẫn H cùng đến quán nhậu “T1” là nơi bị hại đang làm thuê; bị cáo B dùng tay đánh bị hại gây thương tích và bảo H lấy dao đưa cho bị cáo B để đâm bị hại nếu như bị hại không đưa 70% (tức là 7.000.000đ) cho bị cáo B. Do sợ bị đâm nên bị hại đã đưa cho H số tiền 2.500.000đ để H đưa cho bị cáo B. Bị hại đã nhận lại đủ tiền và xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Quốc T1 và người làm chứng Nguyễn Văn T, Lê Thị Ánh Nguyệt và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và người làm chứng; các bị cáo, bị hại và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử, không đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng quyết định xét xử theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có bài luận cứ bảo vệ quyền lợi cho bị hại và được

bị hại đồng ý nên không ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp vật chứng thu giữ và với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chính bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H biết bị hại R là người khuyết tật và việc bị hại dùng tiền của mình cho người khác vay lấy lãi sinh sống không ảnh hưởng gì đến các bị cáo. Nhưng với bản chất hung hăng, coi thường pháp luật, bị cáo B dùng tay đánh và dùng dao đe dọa bị hại để chiếm đoạt số tiền 2.500.000đ của bị hại đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 47/CT - VKSSC ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[4] Vụ án có 02 bị cáo và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

[4.1] Bị cáo B là người tự dựng chuyện cho rằng bị hại lấy danh nghĩa của mình để cho người khác vay tiền lấy lãi đồng thời cũng là người trực tiếp dùng tay đánh và dùng dao đe dọa làm bị hại tê liệt về tinh thần phải đưa tiền cho các bị cáo. Nên mức án đối bị cáo cao hơn bị cáo H, xét bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bồi thường đủ tiền cho bị hại được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên xét giảm cho bị cáo phần nào về hình phạt.

[4.2] Bị cáo H tuy không trực tiếp đe dọa bị hại để lấy tiền, nhưng giúp bị cáo B lấy dao đưa cho B, trực tiếp lấy tiền của bị hại, mua xe đạp, đưa tiền cho P và T1 theo yêu cầu của bị cáo B; đồng thời nhận tiền của bị cáo B chiếm đoạt được của bị hại để tiêu xài cá nhân nên mức án phạt thấp hơn bị cáo B. Xét bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại số tiền mà bị cáo B cho, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn trẻ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình, biết rõ bị hại là người khuyết tật, việc bị hại cho vay tiền không ảnh hưởng gì đến các bị cáo, nhưng lại bị các bị cáo vô cớ đánh đập, dùng dao đe dọa chiếm đoạt tài sản nên cần xử lý nghiêm.

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Xét luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên để B vệ cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại theo pháp luật quy định là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về vật chứng vụ án: HĐXX xét thấy cần: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe đạp của trẻ em, màu sơn đỏ có hiệu “GH BIKE” và số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao, loại dao thái lan cán nhựa màu vàng, dài 20cm. Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD lưu trữ đoạn video được trích xuất từ camera quán nhậu T1. Các vật chứng nêu trên được ghi nhận tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu và Chi cục Thi hành án thị xã Sông Cầu.

[10] Về phần dân sự: Bị hại và bị cáo B đã tự nguyện bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H. Riêng bị cáo Nguyễn Nhật H được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự.

+ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt:

Bị cáo Trịnh Quang B 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/6/2021.

Bị cáo Nguyễn Nhật H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe đạp của trẻ em, màu sơn đỏ có hiệu “GH BIKE” và số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao, loại dao thái lan cán nhựa màu vàng, dài 20cm.

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD lưu trữ đoạn video được trích xuất từ camera quán nhậu T1.

Các vật chứng nêu trên được ghi nhận tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu và Chi cục Thi hành án thị xã Sông Cầu.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Quang B, Nguyễn Nhật H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã Sông Cầu (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã thị xã Sông Cầu (1);
- THA DS thị xã thị xã Sông Cầu (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn

